TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ GIÁO** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST
Ngày 27/7/2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Quế.

Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Kim Niệm;
Bà Lê Thị Thùy Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thu Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Ông Trịnh Đình Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 549/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Minh T, sinh năm 1997;
Địa chỉ: Thôn B, xã Q, huyện Đ, tỉnh ĐL; tạm trú tại: Ấp 3, xã T, thị xã Đ(nay là thành phố Đ), tỉnh BP. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Đồng Văn Đ, sinh năm 1992;
Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện P, tỉnh BD. Hiện đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bình Dương. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Phạm Thị Minh T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Đồng Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã An Thái, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Sau khi kết hôn, thời gian đầu chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng sau đó không hạnh phúc nữa. Nguyên nhân mâu thuẫn: Hai vợ chồng thường bất đồng quan điểm và hay cãi nhau, không hợp nhau. Tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, không còn hàn gắn được nữa. Hiện tại,

bà và ông Đ không còn chung sống với nhau, cuộc sống hai vợ chồng không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Vì vậy, bà quyết định ly hôn với ông Đồng Văn Đ.

- Về con chung: Bà và ông Đ có một con chung tên Đồng Văn Quốc Nh, sinh ngày 18/7/2015. Nếu được Tòa án giải quyết cho ly hôn, bà xin được quyền nuôi con chung và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung Đồng Văn Quốc Nh.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai của đương sự, bị đơn ông Đồng Văn Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã An Thái, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Sau khi kết hôn, thời gian đầu chung sống với nhau rất hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn: Hai vợ chồng thường bất đồng quan điểm và hay cãi nhau, không hợp nhau. Tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, không còn hàn gắn được nữa. Hiện tại, ông và bà T không còn chung sống với nhau, cuộc sống hai vợ chồng không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Với yêu cầu xin ly hôn của bà T, ông Đ đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Ông và bà T có một con chung tên Đồng Văn Quốc Nh, sinh ngày 18/7/2015. Nếu được Tòa án giải quyết cho ly hôn, ông xin nhường quyền nuôi con chung Đồng Văn Quốc Nh cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có yêu cầu phản tố với bà Phạm Thị Minh T.

Đồng thời, ông Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục và thực hiệ n theo quy định của Bộ luậ t Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Minh T và ông Đồng Văn Đ chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa bà T và ông Đ là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn. Bị đơn ông Đồng Văn Đ hiện đang chấp hành theo Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 24/2019/QĐ-TA ngày 13 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Minh T được ly hôn với ông Đồng Văn Đ.

Về con chung: Do cháu Đồng Văn Quốc Nh còn nhỏ, để không ảnh hưởng tâm sinh lý và sự phát triển bình thường về sau của trẻ nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Đồng Văn Quốc Nh cho bà Phạm Thị Minh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Phạm Thị Minh T không yêu cầu ông Đồng Văn Đ cấp dưỡng nuôi con chung Đồng Văn Quốc Nh nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Minh T là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Minh T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; hiện bị đơn ông Đồng Văn Đ đang thường trú tại xã An Thái, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn bà Phạm Thị Minh T có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn bà Phạm Thị Minh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật. Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn ông Đồng Văn Đ, nhưng hiện tại ông Đ đang chấp hành tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bình Dương và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong các buổi hoà giải, phiên toà sơ thẩm. Do vậy, Toà án căn cứ vào các Điều 5, 6, 91 và các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về hôn nhân: Nguyên đơn bà Phạm Thị Minh T và bị đơn ông Đồng Văn Đ chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã An Thái, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện hai vợ chồng đã sống ly thân, nên nguyên đơn xin ly hôn với bị đơn.

[4] Theo Biên bản xác minh tại xã Ủy ban nhân dân An Thái, huyện Phú Giáo ngày 31 tháng 12 năm 2019 thì ông Đ và bà T chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Thái, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình

Dương. Nguyên nhân phát sinh tranh chấp ly hôn giữa ông Đ và bà T thì chính quyền địa phương không nắm rõ, do đương sự giải quyết nội bộ, cũng không trình báo sự việc hay nhờ chính quyền địa phương can thiệp giải quyết và không có đơn yêu cầu. Hiện tại, bà T và ông Đ đã sống ly thân hơn 02 năm.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng bà T và ông Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Minh T được ly hôn với ông Đồng Văn Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về con chung: Theo giấy khai sinh, sổ hộ khẩu xác định ông Đ và bà T có một con chung tên Đồng Văn Quốc Nh, sinh ngày 18/7/2015. Cháu Nh còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc của người mẹ và để không ảnh hưởng tâm sinh lý, sự phát triển bình thường về sau của trẻ Hội đồng xét xử sẽ giao con chung Đồng Văn Quốc Nh cho bà Phạm Thị Minh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Điều này cũng phù hợp với yêu cầu, điều kiện nuôi dưỡng con chung của bà T.

[7] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị Minh T không yêu cầu ông Đồng Văn Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung Đồng Văn Quốc Nh nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo tham gia phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5, Điều 6, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147 và các Điều 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 58, 81, 82, 83, 84, 85, 86 và 87 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Minh T đối với bị đơn ông Đồng Văn Đ về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

2. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Minh T được ly hôn với ông Đồng Văn Đ.

3. Về con chung:

Giao con chung Đồng Văn Quốc Nh, sinh ngày 18/7/2015 cho bà Phạm Thị Minh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị Minh T không yêu cầu ông Đồng Văn Đ cấp dưỡng nuôi con chung Đồng Văn Quốc Nh.

Ông Đồng Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con không ai được ngăn cản. Vì quyền lợi của con chưa thành niên, Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu phù hợp quy định pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Phạm Thị Minh T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do bà Phạm Thị Minh T đã nộp tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0026722 ngày 04 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- UBND xã An Thái
(Số: 47, ngày 31/12/2015);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Văn Quế